

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST
Ngày: 06 - 8 - 2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Thị Huyền Tr, sinh năm: 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 1, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim V (tự Kim Th), sinh năm: 1961 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm T, thị trấn Th, huyện Th, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản mở phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hồ Thị Huyền Tr trình bày:* Chị và bà Nguyễn Thị Kim V có mối quan hệ quen biết với nhau, vào năm 2013 đến năm 2015 chị có cho bà V vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) cụ thể như sau:

Lần thứ I: Ngày 28/02/2013 âm lịch, bà V vay 105.000.000đ (Một trăm lẻ năm triệu đồng);

Lần thứ II: Ngày 19/11/2013 âm lịch, bà V vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);

Lần thứ III: Ngày 06/3/2014 âm lịch, bà V vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng);

Lần thứ IV: Ngày 07/3/2014 âm lịch, bà V vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);

Lần thứ V: Ngày 29/9/2014 âm lịch, bà V vay 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng);

Lần thứ VI: Ngày 21/8/2015 âm lịch, bà V vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

Mỗi lần vay bà V đều thỏa thuận lãi suất 03%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả tiền gốc, lãi suất thỏa thuận nộp hàng tháng; khi nhận tiền vay bà V đều viết biên nhận và ký tên người nhận là “Kim Th” tên thường gọi của bà V. Thời gian đầu thì bà V có trả tiền lãi cho chị được khoảng 04 tháng lãi tổng cộng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); sau đó thì bà V không trả tiền lãi cho chị, nhưng bà V vẫn đến hỏi vay tiền của chị, do là chỗ quen biết thân thích với nhau nên chị vẫn tiếp tục cho bà V vay tiền. Đến cuối năm 2015 thấy bà V không trả tiền lãi thì chị tìm đến nhà mới biết bà V đã bỏ đi nơi khác và đến nay bà V không có trả tiền gốc, lãi cho chị.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà V trả cho chị số tiền vay còn thiếu (gốc) là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); về lãi suất thì yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định vào từng thời điểm, thời gian tính lãi cụ thể như sau:

Đối với số tiền (gốc) 105.000.000đ, tính lãi kể từ ngày 28/02/2013 âm lịch đến ngày 21/8/2015 âm lịch, yêu cầu tính theo mức lãi suất cơ bản theo quy định pháp luật vào thời điểm tương ứng 0,75%/tháng.

Đối với số tiền (gốc) tổng cộng 300.000.000đ, tính lãi kể từ ngày 21/8/2015 âm lịch đến ngày 31/12/2016, yêu cầu tính theo mức lãi suất cơ bản theo quy định pháp luật vào thời điểm tương ứng 0,75%/tháng.

Từ ngày 01/01/2017 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 06/8/2019) yêu cầu tính lãi theo mức suất quy định của pháp luật tương ứng 0,833%/tháng.

Sau khi tính và tổng cộng lãi, chị tự nguyện khấu trừ số tiền lãi bà V đã nộp trước đây 20.000.000đ, còn lại bao nhiêu bà V có nghĩa vụ trả cho chị; riêng đối với số tiền vay bà V đã nhận vào các ngày 19/11/2013, 06/3/2014, 07/3/2014, 29/9/2014 âm lịch thì chị tự nguyện giảm bớt tiền lãi cho bà V từ ngày nhận tiền vay đến ngày 21/8/2015 âm lịch, chị không có yêu cầu Tòa án tính lãi trong khoảng thời gian này đối với 04 lần nhận tiền nêu trên.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản mở phiên họp – hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Kim V (tự Kim Th) trình bày:* Bà và chị Tr có mối quan hệ quen biết thân thích với nhau, nên từ năm 2013 đến năm 2015 bà đã nhiều lần vay tiền của chị Tr, tổng cộng số tiền vay (gốc) là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); bà thống nhất với trình bày của chị Tr về thời gian vay tiền và số tiền mỗi lần vay nêu trên; mục đích bà vay tiền của chị Tr để làm ăn mua bán, với lãi suất hai bên thỏa thuận là 03%/tháng; mỗi lần vay nhận tiền bà đều trực tiếp viết biên nhận và ký tên “Kim Th” là tên thường gọi của bà. Kể từ lần vay tiền thứ I đến tháng 10/2016 âm lịch thì bà đều đóng lãi cho chị Tr đầy đủ với tổng số tiền lãi là 323.250.000đ (Ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng việc bà trả lãi không có làm giấy tờ gì và không có ai chứng kiến; từ tháng 11/2016 âm lịch

đến nay, do làm ăn bị thất bại thua lỗ hoàn cảnh khó khăn nên bà không trả được tiền vay còn thiếu (gốc) 300.000.000đ và tiền lãi cho chị Tr theo thỏa thuận.

Nay bà thống nhất trả cho chị Tr số tiền vay còn thiếu (gốc) là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); về lãi suất, bà không thống nhất trả lãi cho chị Tr do bà hiện nay bà không có khả năng trả lãi. Riêng đối với số tiền lãi 323.250.000đ bà đã nộp trước đây cho chị Tr, hiện nay bà không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, vì đã nộp theo thỏa thuận trước đây giữa hai bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nội dung tranh chấp giữa chị Tr và bà V làm phát sinh quan hệ về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” được quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005. Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định pháp luật, về thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ, lời khai nhận của các đương sự có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên tòa của các đương sự, có đủ cơ sở xác định:

Việc chị Hồ Thị Huyền Tr khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim V chịu trách nhiệm cá nhân trả cho chị số tiền vay còn thiếu (gốc) là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bà V đều thống nhất các biên nhận (06 biên nhận tiền do chị Tr giao nộp cho Tòa án) đều do tự tay bà V viết và ký tên để vay tiền của chị Tr tổng cộng 300.000.000đ, với lãi suất thỏa thuận 3%/tháng là đúng sự thật; đồng thời, bà V cũng thừa nhận hiện nay còn thiếu chị Tr số tiền vay (gốc) là 300.000.000đ; do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr, buộc bà V trả cho chị Tr số tiền vay (gốc) còn thiếu 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

[3] Về lãi suất: Xét thấy, chị Tr cho bà V vay tiền đều có thỏa thuận về việc trả lãi; do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị Tr, buộc bà V có nghĩa vụ trả lãi là phù hợp quy định pháp luật. Tuy nhiên, chị Tr và bà V thỏa thuận lãi suất là 03%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật, nên cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr yêu cầu bà V trả lãi theo quy định vào từng thời điểm theo quy định của pháp luật, với thời gian và mức lãi suất cụ thể như sau:

1. Đối với số tiền 105.000.000đ nhận ngày 28/02/2013 âm lịch (tương ứng ngày 08/4/2013 dương lịch); yêu cầu tính lãi kể từ ngày 28/02/2013 âm lịch (tương ứng ngày 08/4/2013) đến ngày 21/8/2015 âm lịch (tương ứng ngày 03/10/2015 dương lịch), với thời gian là 29 tháng 25 ngày (tương ứng với 895 ngày) được tính: $105.000.000đ \times 0,75\% : 30 \text{ ngày} \times 895 \text{ ngày} = 23.493.750đ$;

2. Đối với số tiền vay (gốc) trong 06 lần nhận tiền tổng cộng 300.000.000đ, tính lãi kể từ ngày 21/8/2015 âm lịch (tương ứng ngày 03/10/2015 dương lịch) đến ngày 31/12/2016 dương lịch, với thời gian là 14 tháng 28 ngày (tương ứng với 448 ngày) được tính: $300.000.000đ \times 0,75\% : 30 \text{ ngày} \times 448 \text{ ngày} = 33.600.000đ$;

3. Đối với số tiền vay (gốc) tổng cộng 300.000.000đ, tiếp tục tính lãi kể từ ngày 01/01/2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 06/8/2019, với thời gian là 31 tháng 05 ngày (tương ứng với 935 ngày) được tính: $300.000.000đ \times 0,833\% : 30 \text{ ngày} \times 935 \text{ ngày} = 77.885.500đ$;

Vậy tổng tiền lãi là: $23.493.750đ + 33.600.000đ + 77.885.500đ = 134.979.000đ$ (tính tròn số).

Tại phiên tòa, chị Tr tiếp tục tự nguyện giảm bớt cho bà V thêm số tiền lãi là 14.979.000đ, như vậy $134.979.000đ - 14.979.000đ = 120.000.000đ$; đồng thời, chị Tr thống nhất tiếp tục khấu trừ phần tiền lãi mà bà V đã nộp cho chị trước đây 20.000.000đ; do đó, hiện nay số tiền lãi còn lại mà chị Tr yêu cầu bà V phải trả là $120.000.000đ - 20.000.000đ = 100.000.000đ$ (Một trăm triệu đồng).

[4] Riêng đối với số tiền bà V đã nhận vào các ngày 19/11/2013, 06/3/2014, 07/3/2014, 29/9/2014 âm lịch, tổng cộng là 145.000.000đ thì chị Tr tự nguyện giảm bớt không tính tiền lãi đối với bà V, kể từ ngày nhận tiền vay đến ngày 21/8/2015 âm lịch; chị Tr không có yêu cầu Tòa án tính lãi trong khoảng thời gian này đối với 04 lần nhận tiền nêu trên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Đối với số tiền lãi bà V trình bày đã trả cho chị Tr trong thời gian vay tiền tổng cộng 323.250.000đ, hiện nay bà V không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc trả số tiền lãi nêu trên cho chị Tr; đồng thời, hiện nay bà V không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì đối với phần tiền lãi đã nộp nêu trên, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết là phù hợp.

Đối với việc bà V không thống nhất trả lãi cho chị Tr trong thời gian vay tiền vừa qua, với lý do bà V khai nại là hiện nay không có khả năng trả lãi; nhưng tại phiên tòa chị Tr không thống nhất về việc không tính lãi đối với số tiền vay mà bà V đang thiếu trong thời gian qua, chị Tr chỉ thống nhất giảm một phần tiền lãi cho bà V theo như nhận định ở phần trên; do đó, không có cơ sở chấp nhận lời khai nại của bà V, về việc yêu cầu chị Tr không tính lãi.

Từ phân tích, nhận định trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tr, buộc bà V có nghĩa vụ trả cho chị Tr số tiền (gốc) 300.000.000đ và tiền lãi là 100.000.000đ, tổng cộng gốc và lãi là: 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng) là phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tr; buộc bà V trả cho chị Tr số tiền vay gốc và lãi còn thiếu tổng cộng là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định;

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 36, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 471, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 2, điểm a khoản 2 Điều 4 và điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Huyền Tr đối với bà Nguyễn Thị Kim V.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim V (tự Kim Th) có nghĩa vụ trả cho chị Hồ Thị Huyền Tr, số tiền vay còn thiếu (gốc) là 300.000.000đ và tiền lãi 100.000.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

- Chị Hồ Thị Huyền Tr không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; nên được nhận lại tiền nộp tạm ứng án phí tổng cộng là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số BH/2017 0009431 ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, trong hạn 15 ngày kể từ ngày hôm nay tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS H. Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP-TA và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phạm Thành Triều